TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-ST
Ngày: 12-01-2023
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu huỷ giấy CNQSDĐ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Lợi

Ông Phạm Trung Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà:

Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 12-01-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 12/2022/TLST-DS ngày 05-10-2022 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-DS ngày 14-12-2022 và Quyết định hoãn phiên toà số: 13/2022/QĐST-DS ngày 29-12-2022, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang K, sinh ngày 20-6-1961

Địa chỉ: Thôn CH, xã NB, huyện VC, tỉnh Yên Bái, có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Trọng H - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái, có mặt;

2- Bị đơn: Ông Lò Văn N

Địa chỉ: Thôn NC, xã NB, huyện VC, tỉnh Yên Bái, vắng mặt không có lý do;

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện VC, tỉnh Yên Bái

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Duy A - Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thái S - Phó Chủ tịch (Văn bản uỷ quyền số: 93/UQ-UBND ngày 07-9-2022) vắng mặt (đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- Bà Phạm Thị D

Địa chỉ: Thôn CH, xã NB, huyện VC, tỉnh Yên Bái;

- Chị Nguyễn Thị H1,

Địa chỉ: Thôn BS, xã VP, TP. YB, tỉnh Yên Bái,

- Anh Nguyễn Văn Đ,

Địa chỉ: Khu 6, thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu;

- Chị Nguyễn Thị Thanh T

Địa chỉ: Thôn M, xã TBL, huyện VC, tỉnh Yên Bái;

Người đại diện theo ủy quyền của bà D, chị H1, anh Đ, chị T là ông Nguyễn Quang K;

- Bà Cầm Thị M1, chị Lò Thị P, anh Lò Văn T1, anh Lò Văn T2,

Cùng địa chỉ: Thôn NC, xã NB, huyện VC, tỉnh Yên Bái;

- Chị Lò Thị T3

Địa chỉ: Xóm T4, xã ÂN, huyện LS, tỉnh Hoà Bình;

Người đại diện theo ủy quyền của bà M1, chị P1, anh T1, chị T3 là ông Lò Văn N;

4 - Người làm chứng:

- Ông Lò Văn Ơ, ông Nguyễn Văn D1, ông Chu Sỹ L, ông Nguyễn Duy H2, ông Tống Văn Y,

Cùng địa chỉ: Thôn CH, xã NB, huyện VC, tỉnh Yên Bái;

- Ông Nguyễn Duy V,

Địa chỉ: Thôn TT, xã NB, huyện VC, tỉnh Yên Bái;

Những người làm chứng đều vắng măt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18-02-2022, bản tự khai ngày 08-6-2022 và các bản khai tiếp theo nguyên đơn là ông Nguyễn Quang K, đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm Thị D, chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Năm 1978, gia đình ông Nguyễn Quang K và bà Phạm Thị D được Nhà nước cấp đất thổ cư, đất vườn, diện tích 2700m^2 ở đội 3 Thôn CH, xã NB, huyện VC, tỉnh Yên Bái. Gia đình ông đã sinh sống và làm ăn trên mảnh đất đó. Đến ngày 07-8-2000, gia đình ông được Uỷ ban nhân dân (Viết tắt là UBND) huyện VC cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt là QSDĐ), vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: 00140-QSDĐ/87QĐUBH; diện tích 2700m^2 đất tại Thôn CH 5, xã NB, huyện VC, tỉnh Yên Bái mang tên hộ ông Nguyễn Quang K. Sau

khi được cấp đất, gia đình ông sử dụng liên tục, thường xuyên. Đến năm 1987, do đi lại khó khăn nên gia đình ông đã chuyển nhà ra mặt đường Quốc lộ 32 là chỗ nhà ở hiện nay nhưng gia đình vẫn trực tiếp quản lý và sử dụng bình thường. Đến năm 2002, bị ông Lò Văn N lấn chiếm một phần diện tích đất ruộng 168,7m^2 (Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27-7-2022 của Toà án nhân dân huyện VC) có vị trí như sau: Phía Đông giáp đất ông Chu Sỹ L; phía Tây Nam giáp suối; phía Tây Bắc giáp đường đi; phía Đông Bắc giáp đất của ông Nguyễn Văn D1, ông Nguyễn Duy V. Gia đình ông đã nhiều lần yêu cầu ông N trả lại diện tích đất đã lấn chiếm, nhưng ông N không thực hiện. Sự việc tranh chấp giữa hai gia đình đã được UBND xã NB đã hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Nay ông Nguyễn Quang K yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Lò Văn N phải trả lại diện tích đất ruộng đã chiếm là 168,7m^2.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 11-5-2022 và các lời khai tiếp theo, bị đơn ông Lò Văn N trình bày:

Diện tích đất mà hiện nay hai ông Nguyễn Quang Q và Nguyễn Quang K cho rằng ông Lò Văn N đang chiếm giữ trước đây thuộc đội 3, bây giờ thuộc Thôn CH, xã NB, huyện VC, tỉnh Yên Bái có nguồn gốc là nằm trong diện tích đất năm 1953, bố mẹ của ông N là cụ Lò Văn E và cụ Hoàng Thị M2 khai phá. Trước năm 1979, sau khi khai phá diện tích đất này, cụ E và cụ M2 đã giao cho ông sử dụng. Sau đó, Nhà nước đã lấy một phần đất ông đang sử dụng để giao cho cụ Th (là bố đẻ của ông Q). Khi lấy đất giao cho cụ Th cũng không đo đạc và thông báo cho ông biết. Cụ Th làm nhà và trồng cây trên đất đó đến năm 1985 thì cùng các con là ông Q, ông K chuyển ra ngoài đường Quốc lộ 32 ở thì diện tích đất này bị bỏ hoang nên ông đã quay lại trồng cây trên diện tích đất này và ông có nói với cụ Th là ông chỉ lấy lại 1/3 diện tích này, còn 2/3 diện tích để cụ Th sử dụng, được cụ Th đồng ý. Kể từ khi lấy lại 1/3 diện tích đất nêu trên, ông đã liên tục sử dụng đất để trồng lúa. Diện tích đất còn lại mãi sau này ông K và ông Q mới trồng quế. Đến nay, ông K khởi kiện yêu cầu ông phải trả lại 168,7m^2 đất ruộng, ông không đồng ý, vì đất này do bố mẹ của ông khai hoang, sau này giao cho cụ Th, cụ Th cũng bỏ hoang nên ông mới quay lại làm và sử dụng liên tục từ đó cho đến nay và hiện nay diện tích đất này đã được UBND huyện VC cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 07-8-2000, vào sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: 00708-QSDĐ/QĐ87UBH; diện tích 2000m^2. Do đó, ngày 24-8-2022, ông Lò Văn N có đơn yêu cầu Toà án huỷ giấy chứng nhận QSDĐ của ông Nguyễn Quang K với lý do UBND huyện VC đã cấp đất cho ông K chồng lên diện tích đất nêu trên của ông.

Tại Bản tự khai ngày 08-9-2022, người đại diện theo uỷ quyền của UBND huyện VC là ông Phạm Thái S trình bày:

Sau khi kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông Nguyễn Quang Q và ông Nguyễn Quang K được lưu giữ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện VC UBND huyện VC có ý kiến như sau:

- Giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho hộ ông Lò Văn N có số: 00708-QSDĐ/87QĐUBH ngày 07-8-2000; địa chỉ thửa đất tại thôn NC, xã NB, huyện VC, tỉnh Yên Bái.

- Giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho hộ ông Nguyễn Quang K có số: 00140/QSDĐ/87QĐUBH ngày 07-8-2000; địa chỉ thửa đất tại Thôn CH 5, xã NB, huyện VC, tỉnh Yên Bái.

Thửa đất đang tranh chấp hiện nay thuộc Thôn CH, xã NB, huyện VC, tỉnh Yên Bái. Trước năm 2019, xã NB có 5 thôn có tên bắt đầu là CH gồm: CH 1, CH 2, CH 3, CH 4 và CH 5. Năm 2019, CH 1 và CH 5 sát nhập thành CH, còn các Thôn CH 2, CH 3, CH 4 sát nhập vào các thôn khác. Như vậy, Giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho hộ ông Lò Văn N thửa đất tại thôn NC, xã NB, huyện VC, tỉnh Yên Bái không liên quan đến thửa đất tranh chấp tại Thôn CH. Sau khi kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông Nguyễn Quang Q, ông Nguyễn Quang K, UBND huyện VC thấy rằng trình tự cấp giấy chứng nhận QSDĐ đã được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm cấp năm 2000. Do vậy UBND huyện VC không đồng ý với yêu cầu huỷ giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho hộ ông Nguyễn Quang Q, ông Nguyễn Quang K mà ông N đưa ra.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27-9-2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lò Văn T1 trình bày: Anh Lò Văn T1 nhất trí với lời trình bày của ông Lò Văn N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Cầm Thị M1, chị Lò Thị P, anh Lò Văn T1, anh Lò Văn T2, chị Lò Thị T3 mặc dù đã được Toà án nhân dân huyện VC triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt nên Toà án không lấy được lời khai của bà M1, chị P1, anh Tiên và chị T3.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03-8-2022, những người làm chứng là ông Lò Văn Ơ, ông Nguyễn Duy V, ông Nguyễn Văn D1, ông Chu Sỹ L, ông Nguyễn Duy H2, ông Tống Văn Y đều thống nhất trình bày: Các ông Ơ, V, D1, L, H2, Y đều là những hộ gia đình có đất gần diện tích đất tranh chấp. Về nguồn gốc đất tranh chấp là do năm 1978, bà Hoàng Thị X (mẹ đẻ của ông Nguyễn Quang Q và ông Nguyễn Quang K) được HTX CH chia đất cho. Sau khi được cấp đất gia đình bà X đã dựng nhà và canh tác ở đó. Trước đây, diện tích đất đó là bãi trồng màu của HTX CH. Sau một thời gian gia đình ông Q, ông K chuyển ra giáp mặt đường

Quốc Lộ ở nhưng vẫn canh tác ở đó vì là đất thổ cư, cấp lâu dài. Sau đó, ông N đến canh tác, ông Q, ông K có ngăn cản nhưng ông N không đồng ý nên phát sinh tranh chấp.

Kết quả xem xét thẩm định ngày 27-7-2022 của Toà án nhân dân huyện VC, tỉnh Yên Bái đã xác định được: Diện tích đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Quang K và ông Lò Văn N là 168,7m^2; trên đất tranh chấp không có tài sản và cây trồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng không tiến hành hoà giải do nguyên đơn ông Nguyễn Quang K có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Do đó căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện VC không tiến hành hoà giải vụ án.

Tại phiên toà:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Quang K vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện và nhất trí với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27-7-2022 của Toà án nhân dân huyện VC, yêu cầu ông Lò Văn N phải trả lại 168,7m^2 đất đã lấn chiếm.

- Bị đơn ông Lò Văn N vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có bản tự khai; ông N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quang K và yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận QSDĐ ngày 08-7-2000 của UBND huyện VC cấp cho ông Nguyễn Quang K.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Nguyên đơn ông Nguyễn Quang K sử dụng đất có nguồn gốc rõ ràng đã được UBND huyện VC cấp giấy chứng nhận QSDĐ; những người làm chứng đều xác nhận về nguồn gốc đất có tranh chấp là đất của gia đình nguyên đơn. Do đó, ông K có đủ căn cứ để xác lập QSDĐ đối với đất có tranh chấp. Giấy chứng nhận QSDĐ của bị đơn được cấp tại thôn NC, là đất rừng sản xuất không phải là đất màu. Ông N cho rằng UBND xã đã lấy đất của gia đình ông cấp cho gia đình cụ Th nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh. UBND huyện VC xác định đất ông N được cấp không trùng lên diện tích đất của ông K. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu huỷ giấy chứng nhận QSDĐ của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái trình bày quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, căn cứ trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp và nội dung tranh tụng tại phiên toà thấy rằng: Yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn ông Nguyễn Quang K có căn cứ; yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận QSDĐ ngày 08-7-2000 của UBND huyện VC cấp cho ông Nguyễn Quang K là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không chấp nhận yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận QSDĐ do bị đơn đưa ra. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Quang K khởi kiện yêu cầu ông Lò Văn N phải trả lại 168,7m^2 đất đã lấn chiếm tại Thôn CH, xã NB, huyện VC, tỉnh Yên Bái; bị đơn ông Lò Văn N yêu cầu xem xét huỷ Giấy chứng nhận QSDĐ số: số: 000140/QSDĐ/87QĐUBH ngày 07-8-2000 của UBND huyện VC cấp cho hộ ông Nguyễn Quang K là tranh chấp về quyền sử dụng đất và yêu cầu xem xét huỷ Giấy chứng nhận QSDĐ. Theo quy định tại các Điều 26, 34, 37, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

[2] Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Quang K yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Lò Văn N phải trả lại 168,7m^2 đất :

Tại Giấy chứng nhận QSDĐ số: 00140/QSDĐ/87QĐUBH ngày 07-8-2000 của UBND huyện VC do ông Nguyễn Quang K cung cấp: Thể hiện hộ ông Nguyễn Quang Q được cấp 2700m^2 đất (gồm 2 thửa: 2000m^2 đất mầu, và 700m^2 đất màu) tại Thôn CH 5 (nay là Thôn CH), xã NB, huyện VC, tỉnh Yên Bái. Sau khi được cấp đất, gia đình ông trồng cấy hoa màu và sử dụng liên tục, thường xuyên. Đến năm 1987, do đi lại khó khăn nên gia đình ông đã chuyển nhà ra mặt đường Quốc lộ 32 là chỗ nhà ở hiện nay nhưng gia đình vẫn trực tiếp quản lý và sử dụng, không bỏ hoang. Đến năm 2002, bị ông Lò Văn N lấn chiếm một phần diện tích đất là 168,7m^2 trong diện tích đất ông K đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Do đó, việc ông Nguyễn Quang K khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông Lò Văn N phải trả lại 168,7m^2 đã lấn chiếm tại Thôn CH, xã NB, huyện VC, tỉnh Yên Bái là có căn cứ cần được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu của bị đơn ông Lò Văn N ngày 24-8-2022 về yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận QSDĐ số: 00140/QSDĐ/87QĐUBH ngày 07-8-2000 của UBND huyện VC cấp cho hộ ông Nguyễn Quang K:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lò Văn N khẳng định: Hộ gia đình ông đã được UBND huyện VC cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 07-8-2000, vào sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: 00708/QSDĐ/87QĐUBH; diện tích 2000m^2 đất rừng tại thôn NC, xã NB, huyện VC, tỉnh Yên Bái; hộ gia đình ông Nguyễn Quang K được UBND huyện VC cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: 00140/QSDĐ/87QĐUBH ngày 07-8-2000, diện tích 2700m^2 đất là trùng vào diện tích đất nêu trên của hộ gia đình ông. Do đó, ông yêu cầu Toà án huỷ giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho hộ ông K là ý kiến phản đối của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn, không phải là yêu cầu phản tố như xác định của Toà án nhân dân huyện VC.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do các đương sự ông Nguyễn Quang K, ông Lò Văn N, UBND huyện VC cung cấp, lời khai của những người làm chứng, các tài liệu, chứng cứ do Toà án nhân dân huyện VC thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Ngày 07-8-2000, hộ gia đình ông Nguyễn Quang K được UBND huyện VC cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: 00140/QSDĐ/87QĐUBH ngày 07-8-2000, tổng diện tích 2700m^2 đất, gồm 02 thửa: 2000m^2 đất mầu và 700m^2 đất màu tại Thôn CH 5 (nay là Thôn CH), xã NB, huyện VC, tỉnh Yên Bái. Cùng ngày 07-8-2000, hộ gia đình ông Lò Văn N được UBND huyện VC cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: 00708/QSDĐ/87QĐUBH ngày 07-8-2000, diện tích 2000m^2 đất rừng tại thôn NC, xã NB, huyện VC, tỉnh Yên Bái. Theo nội dung trên thì diện tích 2000m^2 đất của hộ ông N được cấp theo giấy chứng nhận QSDĐ nêu trên là loại đất rừng, không phải là đất màu như đất của hộ ông K được cấp. Mặt khác, vị trí thửa đất được cấp của ông N tại thôn NC, xã NB, khác hoàn toàn với thửa đất được cấp của ông K về vị trí thửa đất, diện tích đất và loại đất được cấp.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Toà án nhân dân huyện VC không thu thập được các bộ hồ sơ liên quan đến trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho các hộ ông Nguyễn Quang Q, Nguyễn Quang K, ông Lò Văn N. Tuy nhiên, UBND huyện VC khẳng định trình tự cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho các hộ trên đã được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm cấp năm 2000.

Do đó, thấy rằng việc ông Lò Văn N cho rằng hộ gia đình ông Nguyễn Quang K được UBND huyện VC cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: 00140/QSDĐ/87QĐUBH ngày 07-8-2000, diện tích 2700m^2 đất là cấp trùng vào diện tích đất nêu trên của hộ gia đình ông N là không có cơ sở. Vì vậy, yêu cầu huỷ giấy chứng nhận QSDĐ của ông N đưa ra không có căn cứ, không đúng quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp cần được chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quang K được Toà án chấp nhận nên bị đơn ông Lò Văn N phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là: 3.250.000 đồng (*Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)*. Xác nhận ông K đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định số tiền 3.250.000 đồng, ông N phải trả lại ông K số tiền 3.250.000 đồng.

[6] Về án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Quang K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Ông Lò Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (Do đã có đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quang K về việc kiện đòi ông Lò Văn N phải trả lại 168,7m^2 đất tại Thôn CH, xã NB, huyện VC, tỉnh Yên Bái.

2. Buộc ông Lò Văn N phải trả lại cho ông Nguyễn Quang K diện tích đất 168,7m^2 tại Thôn CH, xã NB, huyện VC, tỉnh Yên Bái. Vị trí thửa đất và bảng toạ độ thể hiện trong sơ đồ thửa đất tranh chấp *(Kèm theo sơ đồ xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27-7-2022 của Toà án nhân dân huyện VC, tỉnh Yên Bái).*

3. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Lò Văn N về việc huỷ Giấy chứng nhận QSDĐ số: 00140/QSDĐ/87QĐUBH ngày 07-8-2000 của UBND huyện VC đã cấp cho hộ ông Nguyễn Quang K.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Lò Văn N phải chịu 3.250.000 đồng (*Ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng)* tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Xác nhận ông K đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 3.250.000 đồng. Ông Ngân có nghĩa vụ trả lại ông K số tiền 3.250.000 đồng

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Nguyễn Quang K có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Lò Văn N chưa thi hành xong khoản tiền phải trả nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí:

- Ông Nguyễn Quang K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai số: AA/2017/0000911 ngày 12-4-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện VC, tỉnh Yên Bái.

- Ông Lò Văn N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

6. Các đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7 a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự;
- Người BV Q & LIHP;
- Cục THADS T. Yên Bái;
- Chi cục THADS H. VC
- Lưu: Hồ sơ, HC-TP, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Lan